

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

Ảnh màu

4x6

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Nội xương khớp (Rheumatology)

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Thị Phương Thủy

2. Ngày tháng năm sinh: 22/11/1975; Nam , Nữ Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 412, khu nhà B3, Tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Phòng 412, khu nhà B3, Tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0966274629; E-mail: phuongthuybm@yahoo.com

7. Quá trình công tác:

+ Từ 09/1992 đến 07/1998: Sinh viên hệ Bác sĩ đa khoa, Trường Đại học Y Hà Nội.

+ Từ 9/1999 đến 12/2002: Bác sĩ nội trú, Trường Đại học Y Hà Nội.

+ Từ 2/2003 đến nay: Giảng viên tại Bộ môn Nội tổng hợp Trường Đại học Y Hà Nội. Bác sĩ điều trị tại Trung tâm Cơ xương khớp, Bệnh viện Bạch Mai.

+ Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Trung tâm Cơ xương khớp, Bệnh viện Bạch Mai từ tháng 4/2019.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
+ Chức vụ cao nhất đã qua: Phó giám đốc Trung tâm Cơ xương khớp, Bệnh viện Bạch Mai.

+ Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Nội tổng hợp- Trường Đại học Y Hà Nội, Trung tâm Cơ xương khớp- Bệnh viện Bạch Mai.

+ Địa chỉ cơ quan: Số 1, Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

+ Điện thoại cơ quan: 02436290461

+ Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

+ Được cấp bằng Đại học ngày 25 tháng 8 năm 1998; Số văn bằng: 88864; Ngành: Y học; Chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

+ Được cấp danh hiệu Bác sĩ nội trú bệnh viện ngày 10 tháng 9 năm 2003; Ngành: Y học, Chuyên ngành: Nội khoa; Nơi cấp bằng BSNT: Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

+ Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 04 tháng 5 năm 2005; Số văn bằng: 0782; Ngành: Y học; Chuyên ngành: Bệnh học Nội khoa; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

+ Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 8 tháng 12 năm 2015; Số văn bằng: 004859; Ngành: Y học; Chuyên ngành: Nội xương khớp; Nơi cấp bằng TS: Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

10. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Y Hà Nội

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

12. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

+ Nghiên cứu về nhóm bệnh tổ chức liên kết tự miễn tại Việt Nam, trong đó tập trung vào viêm khớp dạng thấp, viêm cơ tự miễn, xơ cứng bì và một số yếu tố liên quan, gồm: Chẩn đoán và điều trị các bệnh tổ chức liên kết tự miễn; đặc điểm của gen HLA-DR và các kháng thể đặc hiệu của bệnh ở người Việt Nam; những tổn thương đặc hiệu của bệnh do viêm hệ thống tiến triển mạn tính gồm viêm phổi mô kẽ, tổn thương thận, tình trạng xơ vữa mạch và trầm cảm; ứng dụng siêu âm doppler động mạch cảnh để xác định các yếu tố nguy cơ tim mạch trong bệnh tổ chức liên kết tự miễn; đánh giá sự ảnh hưởng của bệnh đến chất lượng cuộc sống và rối loạn giấc ngủ.

+ Nghiên cứu về viêm cột sống dính khớp và viêm khớp cột sống thể trực gồm: Ảnh hưởng của giới đến các biểu hiện lâm sàng và tiến triển bệnh, ứng dụng các thang điểm mới trong

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
đánh giá mức độ hoạt động bệnh, sự tác động của quá trình viêm trong tiến triển bệnh đến tổn thương xơ vữa mạch và rối loạn giấc ngủ, đánh giá hiệu quả điều trị và tính an toàn của nhóm thuốc sinh học.

+ Nghiên cứu về gút và một số bệnh lý liên quan: Ứng dụng các tiêu chuẩn mới trong chẩn đoán gút; liên quan giữa gút và bệnh lý tim mạch; ứng dụng siêu âm doppler động mạch cảnh để xác định các yếu tố nguy cơ tim mạch trong gút; đánh giá ảnh hưởng của gút đến chất lượng cuộc sống.

+ Nghiên cứu về loãng xương, thoái hóa khớp, tình trạng đau mạn tính trong các bệnh lý cơ xương khớp và một số yếu tố liên quan: Các yếu tố nguy cơ gây loãng xương trong viêm khớp dạng thấp và ở phụ nữ sau mãn kinh; chẩn đoán và điều trị thoái hóa khớp; đau mạn tính trong bệnh lý khớp viêm, thoái hóa khớp và có các bệnh lý đi kèm như đái tháo đường, hội chứng chuyển hóa, ảnh hưởng của đau mạn tính trong thoái hóa khớp đến chất lượng cuộc sống.

13. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

+ Đã hướng dẫn: 28 học viên CH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT;

+ Đã hoàn thành 09 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên;

+ Đã công bố 59 bài báo khoa học, trong đó 04 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

+ Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

+ Số lượng sách đã xuất bản: 05, trong đó 04 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

+ Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

14. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

+ Một bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế, QĐ số: 696/QĐ-BYT ký ngày 25/02/2019 vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm học 2017- 2018 tại Đại học Y Hà Nội.

+ Một bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế, QĐ số: 2647/QĐ-BYT ký ngày 25/6/2019 vì đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển đơn vị tại Trung tâm Cơ xương khớp, Bệnh viện Bạch Mai.

+ Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở của 5 năm học: 2009- 2010 (QĐ số 3355 YHN ngày 27/12/2010), 2010- 2011 (QĐ số 2967 YHN ngày 18/10/2011), 2015- 2016 (QĐ số 3846 YHN ngày 23/9/2016), 2016- 2017 (QĐ số 5258 YHN ngày 16/11/2017), 2021- 2022 (QĐ số 186/QĐ-ĐHYHN ngày 28/01/2023).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

15. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

+ Lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, luôn tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và trung thành với Tổ quốc, yêu nghề và hết lòng vì sự nghiệp giáo dục.

+ Là một cán bộ giảng dạy mẫu mực, có tinh thần trách nhiệm cao, có lối sống lành mạnh và đạo đức tốt. Đồng thời là một cán bộ quản lý hết lòng vì công việc, vì sự phát triển bền vững của Bộ môn Nội tổng hợp và Trường Đại học Y Hà Nội, cũng như phát triển chuyên ngành Cơ xương khớp.

+ gương mẫu thực hiện các nghĩa vụ công dân, điều lệ của nhà trường, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị, có tinh thần đoàn kết cao. Luôn chấp hành tốt các nội quy trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của nhà trường cũng như các quy định của bệnh viện.

+ Có quan hệ tốt với các đồng nghiệp, đối xử với sinh viên và học viên đúng mực. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp trong xây dựng đơn vị, nhà trường và bệnh viện.

+ Luôn hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy theo chương trình và mục tiêu giáo dục của nhà trường cũng như của chuyên ngành Cơ xương khớp. Luôn học tập và rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Luôn đổi mới phương pháp giảng dạy và giảng dạy có chất lượng tốt. Kết quả là có nhiều học viên sau đại học đã bảo vệ luận văn tốt nghiệp đạt trình độ giỏi. Luôn phát huy sự kết hợp tốt giữa giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng như chăm sóc sức khỏe cho người bệnh.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

+ Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 20 năm

+ Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018			03 (ThS/BSNT)			609	609/371.6/280

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	2018-2019			03 (ThS/CK2)			591	591/362.6/280
3	2019-2020			05 (ThS/BSNT)			567	567/350.6/280
03 năm học cuối								
4	2020-2021			05 (ThS/BSNT)			571	571/352.6/280
5	2021-2022			02 (ThS/BSNT)			611	611/371/270
6	2022-2023			10 (ThS/CK2/BSNT)			535	535/334.6/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:.....; Từ nămđến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; Tại nước: ... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2- Khung Châu Âu, Số chứng chỉ: 513, Nơi cấp: Trường Đại học Ngoại Ngữ Huế.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Khánh Linh		CH	X		2016 - 2017	ĐHYHN	11/01/2018 Số 94/QĐ-ĐHYHN
2	Phạm Ngọc Dương		BSNT	X		2016 - 2017	ĐHYHN	30/11/2018 Số 6669/QĐ-ĐHYHN
3	Nguyễn Thị Thoa		BSNT	X		2016 - 2017	ĐHYHN	30/11/2018 Số 6669/QĐ-ĐHYHN
4	Trần Thái Hà		CH	X		2017 - 2018	ĐHYHN	03/12/2018 Số 6675/QĐ-ĐHYHN
5	Hứa Thị Hiệp		BSNT	X		2017 - 2018	ĐHYHN	30/09/2019 Số 5193/QĐ-ĐHYHN
6	Nguyễn Thị Minh Ngọc		BSNT	X		2017 - 2018	ĐHYHN	30/09/2019 Số 5193/QĐ-ĐHYHN
7	Triệu Quang Túy		CK2		X	2018 - 2019	ĐHYHN	16/12/2019 Số 6777/QĐ-ĐHYHN
8	Nguyễn Thị Quỳnh Mai		CH	X		2018 - 2019	ĐHYHN	16/12/2019 Số 6830/QĐ-ĐHYHN
9	Nguyễn Văn Đông		CH	X		2018 - 2019	ĐHYHN	16/12/2019 Số 6830/QĐ-ĐHYHN
10	Đào Thị Trang		BSNT	X		2018 - 2019	ĐHYHN	08/10/2020 Số 4276/QĐ-ĐHYHN
11	Lê Thị Huyền Trang		BSNT	X		2018 - 2019	ĐHYHN	08/10/2020 Số 4276/QĐ-ĐHYHN
12	Đoàn Hải Thu		CH	X		2019 - 2020	ĐHYHN	15/01/2021 Số 84/QĐ-ĐHYHN

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

13	Vũ Thị Ngọc		BSNT	X		2019 - 2020	ĐHYHN	08/11/2021 Số 4911/QĐ-ĐHYHN
14	Nguyễn Mạnh Quyết		BSNT	X		2019 - 2020	ĐHYHN	08/11/2021 Số 4911/QĐ-ĐHYHN
15	Đặng Thị Thắm		BSNT	X		2019 - 2020	ĐHYHN	08/11/2021 Số 4911/QĐ-ĐHYHN
16	Đỗ Gia Trường		BSNT	X		2019 - 2020	ĐHYHN	08/11/2021 Số 4911/QĐ-ĐHYHN
17	Vũ Thị Hiền		CH	X		2020 - 2021	ĐHYHN	28/02/2022 YHN2-003289
18	Lưu Cảnh Linh		BSNT	X		2020 - 2021	ĐHYHN	20/10/2022 Số 4846/QĐ-ĐHYHN
19	Nguyễn Thanh Kim Huệ		BSNT	X		2021 - 2022	ĐHYHN	06/01/2023 Số 32/QĐ-ĐHYHN
20	Nguyễn Duy Hiệp		BSNT		X	2021 - 2022	ĐHYHN	06/01/2023 Số 32/QĐ-ĐHYHN
21	Ninh Công Phương		BSNT		X	2021 - 2022	ĐHYHN	06/01/2023 Số 32/QĐ-ĐHYHN
22	Nguyễn Thị Vân		BSNT		X	2021 - 2022	ĐHYHN	06/01/2023 Số 32/QĐ-ĐHYHN
23	Trần Thị Phương Thủy		CH	X		2021 - 2022	ĐHYHN	16/01/2023 Số 136/QĐ-ĐHYHN
24	Nguyễn Thị Huyền Trang		CH	X		2021 - 2022	ĐHYHN	16/01/2023 Số 136/QĐ-ĐHYHN
25	Nguyễn Thị Thanh Hoa		CH	X		2021 - 2022	ĐHYHN	16/01/2023 Số 136/QĐ-ĐHYHN
26	Lê Thị Lê Ny		CH		X	2021 - 2022	ĐHYHN	16/01/2023 Số 136/QĐ-ĐHYHN

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

27	Lê Thị Hằng		CK 2	X		2021 - 2022	ĐHYHN	16/01/2023 Số 108/QĐ-ĐHYHN
28	Nguyễn Thị Thoa		CK 2	X		2021 - 2022	ĐHYHN	17/01/2023 Số 138/QĐ-ĐHYHN

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ						
1	Bệnh học Cơ xương khớp nội khoa	TK	NXB Giáo dục Việt Nam- 2012	04	PGS. TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	131- 137	
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ						
2	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh cơ xương khớp	HD	NXB Y học- 2021	44	PGS. TS. Nguyễn Thị Xuyên		
3	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh phổi kẽ	HD	NXB Y học- 2022	39	GS. TS. Ngô Quý Châu		
4	Triệu chứng học Nội Khoa - Tập 1	GT	NXB Y học- 2021	74	1. PGS. TS. Đỗ Gia Tuyền 2. GS. TS. Ngô Quý Châu 3. PGS. TS. Đặng Quốc Tuấn 4. PGS. TS. Phan Thu Phương 5. PGS. TS. Phạm Mạnh Hùng	365- 452	

					6. PGS. TS. Nguyễn Văn Hùng		
5	Bệnh học Nội Khoa- Tập 2	GT	NXB Y học- 2022	53	1. PGS. TS. Đỗ Gia Tuyền 2. PGS. TS. Trần Ngọc Ánh 3. PGS. TS. Nguyễn Hà Thanh 4. PGS. TS. Nguyễn Khoa Diệu Vân 5. PGS. TS. Đặng Quốc Tuấn 6. PGS. TS. Nguyễn Văn Hùng	316- 326	

Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS:

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang.....

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ				
1	Áp dụng mô hình đánh giá nguy cơ gãy xương do loãng xương theo FRAX ở bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	CN	Số 1060, Đề tài cấp cơ sở- Bệnh viện Bạch Mai	2013- 2014	03/01/2017 Xếp loại Xuất sắc
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ				
2	Nghiên cứu các yếu tố nguy cơ của bệnh lý tim mạch ở bệnh nhân gút điều trị tại Khoa cơ xương khớp- Bệnh viện Bạch	CN	Số 1785, Đề tài cấp cơ sở- Bệnh viện Bạch Mai	2015- 2016	03/01/2017 Xếp loại Khá

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Mai				
3	Nghiên cứu chất lượng cuộc sống của bệnh nhân viêm đa cơ và viêm da cơ tự miễn bằng bộ câu hỏi SF-36	CN	Số 3377, Đề tài cấp cơ sở- Bệnh viện Bạch	2016- 2017	15/11/2018 Xếp loại Xuất sắc
4	Nghiên cứu mối liên quan giữa mức độ xơ vữa động mạch cảnh và nồng độ acid uric trong huyết thanh ở bệnh nhân nam giới mắc gút nguyên phát	CN	Số 2919, Đề tài cấp cơ sở- Bệnh viện Bạch Mai	2017- 2018	06/01/2021 Xếp loại Xuất sắc
5	Nghiên cứu hiệu quả và tính an toàn của cyclophosphamide truyền tĩnh mạch trong điều trị xơ cứng bì có viêm phổi kẽ	CN	Số 2919, Đề tài cấp cơ sở- Bệnh viện Bạch Mai	2017- 2018	06/01/2021 Xếp loại Xuất sắc
6	Nghiên cứu mối liên quan giữa mức độ xơ vữa động mạch cảnh với một số đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh viêm cột sống dính khớp	CN	Số 126, Đề tài cấp cơ sở- Bệnh viện Bạch Mai	2019- 2020	12/8/2020 Xếp loại Xuất sắc
7	Nghiên cứu các yếu tố dự đoán mức độ đáp ứng điều trị với Infliximab ở bệnh nhân viêm cột sống dính khớp	CN	Số 126, Đề tài cấp cơ sở- Bệnh viện Bạch	2019- 2020	12/8/2020 Xếp loại Xuất sắc
8	Nghiên cứu thực trạng rối loạn giấc ngủ và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân viêm cột sống dính khớp	CN	Số 3343, Đề tài cấp cơ sở- Bệnh viện Bạch Mai	2020- 2021	24/3/2022 Xếp loại Đạt
9	Khảo sát mối liên quan giữa mức độ xơ vữa động mạch cảnh với một số đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh xơ cứng bì toàn thể	CN	Số 3344, Đề tài cấp cơ sở- Bệnh viện Bạch Mai	2020- 2021	17/2/2022 Xếp loại Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ							
	Các bài báo trong nước							
1	Khảo sát các yếu tố gây bỏ điều trị ở bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	2	x	Y học lâm sàng/ ISSN 1859-3593			Số 53, Tr 50- 55	6- 2010
2	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng- cận lâm sàng của bệnh viêm đa cơ và viêm đa cơ tự miễn	2	x	Tạp chí nội khoa Việt Nam/ISSN 0866-790X			Số đặc biệt, Tr 150- 156	10- 2013
3	Đặc điểm của HLA ở 108 bệnh nhân viêm đa cơ và viêm đa cơ điều trị tại khoa khớp bệnh viện Bạch Mai	4	x	Tạp chí nội khoa Việt Nam/ISSN 0866-790X			Số 12, Tr 48- 53	07/2014
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
	Các bài báo quốc tế							
4	The EuroMyositis registry: an international collaborative tool to facilitate myositis research	27		Ann Rheum Dis	IF: 19.103		Vol 77, p 30- 39	1- 2018

5	Clinical phenotype, autoantibody profile and HLA-DR-type in Vietnamese patients with idiopathic inflammatory myopathies	6	x	Rheumatology	IF: 7.046		Vol 58, Issue 2, p 361- 363	2- 2019
6	Clinical characteristics of Vietnamese patients with idiopathic inflammatory myopathies and autoantibodies to aminoacyl-transfer RNA synthetases	5	x	International Journal of Rheumatic Diseases	IF: 2.558		Vol 24, p 663- 670	5- 2021
7	Atherosclerosis in Vietnamese patients with systemic sclerosis and its relationship to disease and traditional risk factors	4	x	Rheumatology Advances in Practice	IF 1.37		Vol 2:6(2), p 1-10	6- 2022
Các bài báo trong nước								
8	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của tổn thương viêm phổi kẽ trong bệnh viêm đa cơ và viêm da cơ tự miễn	2	x	Y học lâm sàng/ ISSN 1859-3593			Số 88, Tr 17- 24	9- 2015
9	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân viêm khớp dạng thấp trên 60 tuổi điều trị tại khoa cơ xương khớp Bệnh viện Bạch Mai	2	x	Y học lâm sàng/ ISSN 1859-3593			Số 88, Tr 82- 87	9- 2015
10	Khảo sát tình trạng rối loạn mỡ máu ở bệnh nhân viêm khớp dạng thấp điều trị tại khoa khớp Bệnh	2	x	Y Học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 450, số 1, Tr 128- 132	1- 2017

	viện Bạch Mai							
11	Nghiên cứu các yếu tố nguy cơ của bệnh lý tim mạch ở bệnh nhân gút	2	x	Y Học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 451, số 2, Tr 47- 53	2- 2017
12	Nghiên cứu tình trạng loãng xương và một số yếu tố liên quan trong bệnh viêm khớp dạng thấp	2	x	Y Học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 451, số 2, Tr 113- 116	2- 2017
13	Áp dụng mô hình đánh giá nguy cơ gãy xương do loãng xương theo FRAX ở bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	2	x	Y học lâm sàng/ ISSN 1859-3593			Số chuyên đề, Tr 4- 8	2- 2017
14	Bước đầu đánh giá hiệu quả và tính an toàn của cyclophosphamid truyền tĩnh mạch trong điều trị xơ cứng bì có viêm phổi kẽ	2	x	Y Học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 458, số 2, Tr 57- 60	9- 2017
15	Nghiên cứu đặc điểm siêu âm doppler động mạch cảnh ở bệnh nhân nam giới mắc gút nguyên phát	2	x	Y Học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 458, số 2, Tr 126- 130	9- 2017
16	Nghiên cứu đặc điểm của tổn thương viêm phổi kẽ trong bệnh viêm đa cơ tự miễn	2		Y Học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 459, số 1, Tr 185- 188	10- 2017
17	Đánh giá sự tiến triển của bệnh viêm khớp dạng thấp bằng hai chỉ số DAS28CRP và DAS28ESR	2	x	Y học lâm sàng/ ISSN 1859-3593			Số 102, Tr 31- 35	4- 2018
18	Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân viêm đa cơ và	2	x	Y học lâm sàng/ ISSN			Số 102,	4- 2018

	viêm da cơ tự miễn			1859-3593			Tr 62- 67	
19	Đặc điểm siêu âm động mạch cảnh ở bệnh nhân viêm cột sống dính khớp	2	x	Y học lâm sàng/ ISSN 1859-3593			Số 102, Tr 84- 89	4- 2018
20	Mối liên quan giữa siêu âm động mạch cảnh và một số đặc điểm lâm sàng- cận lâm sàng của bệnh gút	2	x	Y học lâm sàng/ ISSN 1859-3593			Số 102, Tr 90- 96	4- 2018
21	Nhận xét một số yếu tố dự đoán mức độ đáp ứng điều trị với infliximab ở bệnh nhân viêm cột sống dính khớp	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 467, Số 1 và 2, Tr 72- 76	6- 2018
22	Khảo sát sự tiến triển của bệnh viêm cột sống dính khớp theo thang điểm SASDAS	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 467, Số 1 và 2, Tr 104- 107	6- 2018
23	Reliability and validity of CDAI and SDAI indices in comparison to DAS28 index in evaluation of disease activity in patients with rheumatoid arthritis	2	x	Y học lâm sàng/ ISSN 1859-3593			Số 2, Tr 31- 35	10- 2018
24	The relationship between quality of life and disease activity in patients with idiopathic inflammatory myopathy	2	x	Y học lâm sàng/ ISSN 1859-3593			Số 2, Tr 36- 41	10- 2018
25	The clinical and laboratory characteristics to the gout classification criteria (Mexico 2010)	2	x	Y học lâm sàng/ ISSN 1859-3593			Số 2, Tr 42- 48	10- 2018

26	Hiệu quả của Infliximab trong điều trị viêm cột sống dính khớp	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 474, Số 2, Tr 76- 79	1- 2019
27	Khảo sát đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân gút điều trị tại khoa khớp Bệnh viện Bạch mai	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 474, Số 2, Tr 129- 132	1- 2019
28	Liên quan giữa đặc điểm động mạch cảnh trên siêu âm với lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh viêm cột sống dính khớp	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 475, Số 1 và 2, Tr 56- 60	2- 2019
29	Mối tương quan giữa thang điểm SASDAS-CRP với chỉ số BASDAI và thang điểm ASDAS-CRP trong đánh giá mức độ hoạt động của bệnh viêm cột sống dính khớp	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 475, Số 1 và 2, Tr 105- 109	2- 2019
30	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và tiên lượng của các bệnh nhân viêm đa cơ và viêm da cơ có kháng thể kháng SRP	2	x	Y học lâm sàng/ ISSN 1859-3593			Số 107, Tr 72- 77	3- 2019
31	Kháng thể kháng CADM-140 trong viêm cơ tự miễn: Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và tiên lượng	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 478, Số đặc biệt, Tr 111- 116	5- 2019
32	Đặc điểm lâm sàng của các bệnh nhân viêm cơ tự miễn nguyên phát và kháng thể kháng Mi-2	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 478, Số đặc biệt, Tr 117- 122	5- 2019
33	Nghiên cứu chất lượng	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 478, Số 2,	5- 2019

	cuộc sống của bệnh nhân gút bằng bộ câu hỏi EQ-5D			Nam/ ISSN 1859-1868			Tr 56- 59	
34	Mối liên quan giữa độ dày lớp nội trung mạc động mạch cảnh trên siêu âm với một số đặc điểm của bệnh viêm đa cơ và viêm da cơ	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 478, Số 2, Tr 121- 125	5- 2019
35	Mối liên quan giữa chất lượng cuộc sống và đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh gút	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 479, Số 1, Tr 102- 105	6- 2019
36	Các kháng thể kết hợp trong viêm cơ tự miễn: Kháng thể kháng Ku và kháng thể kháng PM/Scl	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 479, Số 1, Tr 132- 135	6- 2019
37	Tác động của infliximab lên tình trạng tăng huyết áp ở bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	3		Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 479, Số 2, Tr 138- 141	6- 2019
38	Thực trạng rối loạn giấc ngủ ở bệnh nhân viêm cột sống dính khớp	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 490, Số 2, Tr 199- 204	5- 2020
39	Thực trạng rối loạn giấc ngủ ở bệnh nhân viêm đa cơ và viêm da cơ tự miễn	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 493, Số đặc biệt, Tr 111- 118	8- 2020
40	Thực trạng rối loạn giấc ngủ ở bệnh nhân thoái hóa khớp gối nguyên phát	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 493, Số đặc biệt, Tr 211- 217	8- 2020
41	Thực trạng rối loạn giấc ngủ ở bệnh nhân xơ cứng bì	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 494, Số 1, Tr 124- 128	9- 2020
42	Chất lượng giấc ngủ ở	2	x	Y học Việt			Tập 502, Số đặc	5- 2021

	bệnh nhân xơ cứng bì: Các yếu tố ảnh hưởng			Nam/ ISSN 1859-1868			biệt, Tr 40- 45	
43	Chất lượng giấc ngủ và các yếu tố ảnh hưởng trong viêm cột sống dính khớp	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 502, Số đặc biệt, Tr 53- 58	5- 2021
44	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giấc ngủ ở bệnh nhân thoái hóa khớp gối	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 502, Số đặc biệt, Tr 99- 105	5- 2021
45	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng thoái hóa khớp bàn tay nguyên phát	2		Tạp chí y dược học/ ISSN 2734- 9209			Số 30, Tr 150- 154	9- 2021
46	Tình trạng không đáp ứng với thuốc kháng TNF- α trong điều trị viêm khớp dạng thấp	3		Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 517, số chuyên đề, Tr 47- 54	8- 2022
47	Thực trạng sử dụng thuốc sinh học trong điều trị viêm khớp dạng thấp tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	2		Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 517, số chuyên đề, Tr 62- 68	8- 2022
48	Thực trạng không đáp ứng với secukinumab trong điều trị viêm cột sống dính khớp	3		Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 517, số chuyên đề, Tr 111- 117	8- 2022
49	Nghiên cứu tình trạng không đáp ứng với thuốc kháng TNF- α trong điều trị viêm cột sống dính khớp	3		Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 517, số chuyên đề, Tr 118- 124	8- 2022
50	Đặc điểm lâm sàng, hình ảnh học của bệnh nhân thoái hóa khớp gối	3		Y học Việt Nam/ ISSN			Tập 517, số chuyên đề,	8- 2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	nguyên phát khám tại bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu			1859-1868			Tr 139- 147	
51	Mối liên quan giữa tổn thương phổi và 1 số tự kháng thể trong bệnh xơ cứng bì	3		Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 518, số 1, Tr 260- 264	9- 2022
52	Tìm hiểu tổn thương thận ở bệnh nhân xơ cứng bì	5		Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 518, số 1, Tr 280- 284	9- 2022
53	Nghiên cứu thực trạng trầm cảm ở bệnh nhân viêm cơ tự miễn	2		Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 519, số 1, Tr 336- 339	10- 2022
54	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh viêm khớp cột sống ở bệnh nhân nữ giới	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 520, số 1A, Tr 1- 5	11- 2022
55	Loãng xương nguyên phát ở phụ nữ sau mãn kinh	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 520, số 1A, Tr 227- 231	11- 2022
56	Thực trạng viêm khớp dạng thấp tại bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa	2	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 526, số chuyên đề, Tr 23- 28	5- 2023
57	Sự khác biệt trong viêm khớp cột sống thể trục giữa nữ giới và nam giới	3	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 526, số chuyên đề, Tr 67- 71	5- 2023
58	Đặc điểm rối loạn trầm cảm ở bệnh nhân xơ cứng bì hệ thống	3	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 526, số chuyên đề, Tr 88- 94	5- 2023
59	Liên quan giữa các tự kháng thể đặc hiệu trong xơ cứng bì và tổn thương thận	3	x	Y học Việt Nam/ ISSN 1859-1868			Tập 526, số chuyên đề, Tr 102- 107	5- 2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: Có 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau Tiến sĩ với số thứ tự là: 5; 6; 7.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Nguyễn Thị Phương Thủy